TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN – TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Ngọc Long.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Thứ.
2. Bà Vương Thị Thu.
Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Nam – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2018. Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐ-DS ngày 20/3/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyên Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị T), sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C K, huyện V B, tỉnh L C.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã C K, huyện V B, tỉnh L C. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã C K, huyện V B, tỉnh L C. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Những người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã C K, huyện V B, tỉnh L C. (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn T, xã C K, huyện V B, tỉnh L C. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) trình bày và đề nghị: Chị và anh Hoàng Văn T về chung sống cùng nhau từ năm 2003 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau đó

anh, chị chung sống đến ngày 03 tháng 02 năm 2004 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2010 thì phát sinh mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm làm ăn, phong cách sống, tính tình khác biệt không đồng thuận, không hợp nhau. Mặt khác anh T không tu chí làm ăn tạo dựng kinh tế gia đình, hay đi uống rượu say về nhà quát mắng chửi chị, đánh con. Chị đã khuyên bảo anh T thay đổi bản thân nhưng anh T không thay đổi, do thương con nên chị chịu đựng tiếp tục chung sống với anh T, xong cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt, bế tắc. Đầu năm 2012 chị bỏ về nhà bố mẹ ở thôn Phúng, xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai sinh sống. Chị và anh T sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị T (T) xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu nên đề nghị ly hôn với anh Hoàng Văn T để yên tâm làm ăn.

Về con: Chị và anh T không ai có con riêng, quá trình chung sống chị với anh Hoàng Văn T có 01 con chung. Cháu tên là Hoàng Văn Kiệm, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2003, hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị T (T) đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiệm đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh Hoàng Văn T không có tài sản gì chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống chị và anh T không vay nợ ai, cho ai vay nợ gì nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 18/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn thụ lý vụ án, ngày 19/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Hoàng Văn T, nhưng anh T không nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, không ký vào biên bản giao nhận. Hết thời hạn 15 ngày anh T không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T (T). Ngày 07/01/2019 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giao thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ cho anh T nhưng anh T không nhận, hết thời hạn cung cấp chứng cứ nhưng anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ, không yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 22/02/2019 và ngày 01/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều tống đạt hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã phối hợp với chính quyền địa phương xuống tận nhà anh T làm việc, giải thích quyền và nghĩa vụ cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T không nhận bất cứ văn bản, giấy tờ liên quan đến vụ án do Tòa án giao, anh T từ chối làm việc, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện vì anh không ly hôn với chị T (T). Ngày 20/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên Tòa xét xử vụ án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt tại phiên Tòa.

Những người làm chứng và xác minh tại chính quyền địa phương đều xác nhận: Chị T (T) và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vợ, chồng chung sống đến tháng 6/2010 thì phát sinh mâu thuẫn cãi nhau và đầu năm 2012 sống ly thân đến nay. Chị T (T) và anh Hoàng Văn T có 01 con chung, hiện đang ở cùng chị T (T).

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Về thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS; Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng thực hiện đúng quy định tại Điều 77 BLTTDS.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Các Điều 227; 228; 229; 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T). Xử chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Văn Kiệm, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2003 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hoàng Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ các Điều 227; 228; 229; 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) và anh Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã

Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2010 thì phát sinh mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm làm ăn, phong cách sống, tính tình khác biệt không đồng thuận. Mặt khác anh T không tu chí làm ăn tạo dựng kinh tế gia đình, hay đi uống rượu say về nhà quát mắng chửi chị T (T). Đầu năm 2012 chị T (T) và anh T sống ly thân không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau. Nên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, chị T (T) yêu cầu ly hôn có căn cứ cần chấp nhận.

3/ Về con: Chị T (T) và anh Hoàng Văn T có 01 con chung. Cháu tên là Hoàng Văn Kiệm, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2003, hiện nay đang ở cùng chị T. Anh Hoàng Văn T không có việc làm, không có thu nhập, thường xuyên say rượu. Chị T (T) có thu nhập ổn định hàng tháng từ 2.500.000đ đến 3.000.000đ. Xét nguyên vọng của cháu Kiệm xin được ở với chị T (T), quá trình từ 2012 đến nay chị T (T) nuôi cháu Kiệm một mình không cần sự hỗ trợ từ anh T, bản thân anh T cũng không qua lại thăm hỏi cháu Kiệm do vậy nên giao cháu Kiệm cho chị T (T) trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về tài sản: Chị T (T) và anh Hoàng Văn T không có tài sản gì chung. Trong thời gian chung sống chị và anh T không vay nợ ai, cho ai vay nợ gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) phải chịu toàn bộ án phí vụ án theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T).

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyên Thị T (Nguyễn Thị T) được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về quan hệ con chung: Giao giao cháu Hoàng Văn Kiệm, sinh ngày 03/12/2003 cho chị Nguyên Thị T (T) trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kiệm trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2/ Về án phí: Chị Nguyên Thị T (T) phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0006836 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyên Thị T (T) đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Án xét xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *Sở tư pháp;*
- *UBND xã Chiềng Ken;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Ngọc Long